



**NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO**

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
PHẦN MỞ ĐẦU			
	Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 15 tháng 4 năm 2013.	Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào <u>ngày tháng năm</u>	Phù hợp với thực tế ngày thông qua Điều lệ.
Điều 1. Giải thích từ ngữ			
	c. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau: 	<u>c. Bổ</u>	Theo khoản 1 Điều 134 Luật DN 2014: Công ty có BKS nên không cần có TV HĐQT độc lập.
	đ. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp được quy định tại Điều 5 Điều lệ này;	đ. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp được ghi tại Điều 5, Điều lệ này	Theo Khoản 29 Điều 4, Luật DN số 68
	e. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;	e. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;	

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	i. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;	i. "Cán bộ quản lý" là <i>Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT</i> , Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;	Bổ sung theo Khoản 18 Điều 4 Luật DN 2014
	2. Tổng công Vận tải thủy Petrolimex là cổ đông chi phối, Công ty Mẹ của Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO. Công ty mẹ và Công ty con thực hiện quyền và trách nhiệm theo các <u>Điều 147, Điều 148</u> Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	2. Tổng công Vận tải thủy Petrolimex là cổ đông chi phối, Công ty Mẹ của Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO. Công ty mẹ và Công ty con thực hiện quyền và trách nhiệm theo các <i>Điều 190 Điều 191</i> Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.			
	4. Tổng giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	4. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị</i> và Tổng giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của những người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ và Quy chế quản lý của Công ty.	Theo Khoản 2 Điều 13 Luật DN 2014: Có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật.
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty			
	2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trong việc phát triển các lĩnh vực kinh doanh <u>đã đăng ký</u> , nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.	2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trong việc phát triển các lĩnh vực kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.	Theo Điều 29 Luật DN 2014 không cần phải đăng ký ngành nghề kinh doanh.
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động			
	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <u>theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u> và Điều lệ này, mục tiêu của Công ty.	<u>Gộp khoản 1 và khoản 2 thành:</u> Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà luật không cấm. Công ty có quyền tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức	Theo Điều 7 Luật DN số 2014

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành nghề kinh doanh.	
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập			
	1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là <u>598.077.850.000</u> đồng. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành <u>59.807.785</u> cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.	1. ...Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là <u>639.934.000.000</u> đồng. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành <u>63.993.400</u> cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng	Theo Vốn điều lệ hiện tại
	2. Công ty có thể <u>tăng</u> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật	2. Công ty có thể <u>thay đổi</u> vốn điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Theo Điều 111 Luật DN 2014
Điều 14. Quyền của cổ đông			
	2. Người <u>nắm giữ</u> cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện <u>được uỷ quyền</u> hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng <u>với số cổ phần góp vốn vào Công ty....</u>	2. Người <u>sở hữu</u> cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa <i>hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</i> g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng <i>tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty...</i>	theo Điều 114 Luật DN số 2014
	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>nắm giữ 05%</u> tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 79</u> và	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu 05%</u> tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Luật Doanh nghiệp</u>	theo Điều 114 Luật DN số 2014
			Theo khoản g Điều 114 Luật DN 2014 để chính

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	<p><u>Điều 97 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực</p>	<p><i>c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực</i></p>	<p>xác, tránh hiểu lầm khi phân chia TS</p> <p>Theo khoản 2. Điều 114 Luật DN 2014</p> <p>Theo điểm c. khoản 2 và khoản 3 Điều 114. Luật DN 2014</p> <p><i>Bổ sung “Thẻ căn cước công dân”</i></p>
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông			
	<p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p>	6. Bỏ	<p>Tại Điều 115 Luật DN 2014 không còn quy định.</p>
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông			
	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ</i></p>	<p>Bổ sung theo khoản 2. Điều 136 Luật DN 2014</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	<i>quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i>	
	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ.	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, <i>Ban kiểm soát</i> ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;	Bổ sung “Ban kiểm soát” theo Điều 136 Luật DN 2014
	e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	e. <i>Theo yêu cầu của Ban kiểm soát</i>	Theo điểm d khoản 3. Điều 136 Luật DN 2014
	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 16 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp</u> ;	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 16 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <i>Điều 136 Luật Doanh nghiệp</i> . <i>Trong trường hợp này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</i>	Theo khoản 4 Điều 136 Luật DN 2014
	c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 16 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d	c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 16 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 16 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu	Theo khoản 4 Điều 136 Luật DN 2014

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	<p>Khoản 3 Điều 16 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <i>Điều 136 Luật Doanh nghiệp</i>. Trong trường hợp này thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông			
	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành;</p> <p>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông</p>	Khoản 2 Điều 136 Luật DN 2014
	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p>	Theo khoản 2. Điều 135 Luật DN 2014

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	m. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ <u>50%</u> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	m. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	
	o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp</u> với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>20%</u> tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <i>Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</i> với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	Thay đổi tỷ lệ tương ứng với điểm m. Khoản 2 Điều 17. Điều lệ
Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông			
	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p>	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. <i>Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông được lập không sớm hơn hai mươi (20) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội cổ đông.</i></p> <p>b. <i>Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</i></p> <p>c. <i>Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</i></p> <p>d. <i>Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</i></p> <p>đ. <i>Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</i></p> <p>e. <i>Xác định thời gian và địa điểm họp;</i></p> <p>g. <i>Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;</i></p>	Theo khoản 7 Điều 136 và khoản 1 Điều 137 Luật DN số 2014.

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
		<i>h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</i>	
	3.....Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi <u>ít nhất mười lăm (15) ngày</u> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.....	3..... <i>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	Theo khoản 1 Điều 139 Luật DN 2014.
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông			
	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất 65%</u> cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <i>ít nhất 51%</i> cổ phần có quyền biểu quyết.	Theo Điều 141 Luật DN 2014.
	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho <u>ít nhất 51%</u> cổ phần có quyền biểu quyết.	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho <i>ít nhất 33%</i> cổ phần có quyền biểu quyết.	Theo Điều 141 Luật DN 2014.
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông			
		<p><u>Bổ sung thêm một khoản mới (khoản 4) sau khoản 3 như sau:</u></p> <p>4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Uỷ quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử</p>	

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
		<p>hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p>	
	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, <u>thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất</u> điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp <i>theo nguyên tắc đa số</i>. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì <i>Trưởng Ban kiểm soát</i> điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Theo khoản 2 . Điều 142 Luật DN 2014.</p>
	<p>5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>6. <i>Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</i></p>	<p>Theo khoản 3. Điều 142 Luật DN 2014.</p>
Điều 22. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông			
	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 22, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi <u>có từ 65% trở lên</u> tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>1 . Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 22, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi <i>có từ 51% trở lên</i> tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Theo Khoản 2 Điều 144 Luật DN 2014.</p>
	<p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị <u>từ 50% trở lên</u> tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài</p>	<p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị <i>từ 35% trở lên</i> tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi <i>có từ 65% trở lên</i> tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu</p>	<p>Theo Khoản 1 Điều 144 Luật DN 2014.</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	<p>chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ <u>75% trở lên</u> tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiệnsẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.</p>	<p>quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiệnsẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.</p>	
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông			
	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi <u>ít nhất mười lăm (15) ngày</u> trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <i>mười (10) ngày</i> trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. <i>Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp</i></p>	Theo khoản 2. Điều 145 Luật DN 2014.
	<p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p>	<p>4. <i>Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:</i></p> <p><i>a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</i></p> <p><i>b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</i></p> <p><i>Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung</i></p>	Theo đúng khoản 4. Điều 145 Luật DN 2014 (bổ sung: hình thức Fax và chi tiết hơn).

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
		<i>phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</i>	
	8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 75%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <i>ít nhất 51%</i> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Theo khoản 4 Điều 144 luật DN 2014.
Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên			
	Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo cho các cổ đông trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	<i>Cuộc họp của ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.</i> Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo cho các cổ đông trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Theo khoản 1. Điều 146 Luật DN 2014.
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông			
	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày thông	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày thông báo biên bản họp Đại	Theo Điều 147 Luật

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	<p>báo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, <u>thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, <i>nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này</i> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>DN 2014.</p>
	<p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	<p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, <i>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</i></p>	<p>Theo Điều 147 Luật DN 2014.</p>
	<p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Theo Điều 147 Luật DN 2014.</p>
<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>			
	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (bảy) người. <u>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm.</u> Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</u> Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (bảy) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá (05) năm năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <i>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.</i></p>	<p>Theo khoản 2. Điều 150 Luật DN 2014: Không còn quy định về nhiệm kỳ của HĐQT</p> <p>Theo khoản 1 Điều 134 Luật DN 2014: mô hình Công ty có BKS, vì vậy không cần phải có</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	<u>định theo phương thức làm tròn xuống.</u>		TV HĐQT độc lập.
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị			
	<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do</p> <p>đ. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của Tổng giám đốc; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng (Trưởng phòng KT-TC), Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện của Công ty và chấp thuận chủ trương bổ nhiệm các chức danh còn lại của Công ty trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;</p>	<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do ...</p> <p>đ. <i>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT</i>, Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của Tổng giám đốc; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng (Trưởng phòng KT-TC), Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện của Công ty và chấp thuận chủ trương bổ nhiệm các chức danh còn lại của Công ty trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;</p>	Theo điểm i. khoản 2 Điều 149 Luật DN 2014: Cho phép HĐQT miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT”
	o. Quyết định đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, nhượng bán, thanh lý tài sản có giá trị dưới <u>50% tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	o. Quyết định đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, nhượng bán, thanh lý tài sản có giá trị <u>dưới 35% tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	Phù hợp với khoản 2. Điều 22 Điều lệ Công ty
	<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại <u>Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp</u> và <u>trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp</u> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp</p>	<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt.</p> <p>c. Trong phạm vi quy định <i>tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</i> và <i>trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</i> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao</p>	Theo khoản 2. Điều 149 Luật DN 2014.

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư Công ty và liên doanh);	gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư Công ty và liên doanh);	
	d. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thế chấp và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>50% tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, trừ hợp đồng quy định tại khoản 4 điều 37 Điều lệ này.	d. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thế chấp và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn <i>35% tổng giá trị tài sản</i> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, trừ hợp đồng quy định tại điểm m khoản 2 Điều 17 và khoản 4, khoản 6 Điều 37 Điều lệ này.	- Theo điểm h. khoản 2 Điều 149 Luật DN 2014. - Khoản 4 Điều 37 đã được sửa đổi thành khoản 4,5,6,7
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị			
	1. <u>Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị</u> phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. <u>Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác</u> , Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty.	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty.</i>	Theo khoản 1,2 Điều 152. Luật DN 2014: Chỉ HĐQT bầu Chủ tịch; Công ty có trên 50% vốn nhà nước, Chủ tịch không kiêm TGD.
	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp, cụ thể: a. Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; quy định quy chế làm việc trong Hội đồng quản trị và phân công công tác cho các thành viên Hội đồng quản trị; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung nghị sự, tài liệu để thảo luận và biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;	2. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</i> <i>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</i> <i>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</i> <i>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</i> <i>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</i> <i>đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</i> <i>e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</i>	Theo khoản 3. Điều 152 Luật DN 2014.

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	<p>quyết định thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm tra tư cách Đại biểu, Thư ký tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông và Ban kiểm phiếu khi thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 23 Điều lệ này;</p> <p>c. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p>		
	<p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó hoặc</u> từ chức, bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức <i>hoặc</i> bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán trong thời hạn mười (10) ngày. <i>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</i></p>	<p>Theo khoản 4 Điều 152 Luật DN 2014.</p>
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị			
	<p>1. <u>Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì</u> cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất <i>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất</i> triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu <i>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất</i> và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Theo khoản 1,2 Điều 152. Luật DN 2014: Chỉ còn HĐQT bầu Chủ tịch.</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.		
	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp <u>ít nhất năm (05)</u> ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm <i>họp ít nhất ba (03) ngày làm việc</i> trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.	Theo khoản 5. Điều 153 Luật DN 2014: Giảm số ngày chậm nhất từ 5 ngày xuống 3 ngày làm việc.
	4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 29 phải được tiến hành trong thời hạn <u>mười lăm (15) ngày</u> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 29 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 29 phải được tiến hành trong thời hạn <i>bảy (07) ngày làm việc</i> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 29 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Theo khoản 5. Điều 153 Luật DN 2014.
	7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp	7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất <i>ba (03) ngày làm việc</i> trước khi tổ chức họp	Theo khoản 5. Điều 153 Luật DN số 2014.
	8. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong <u>thời hạn mười lăm (15) ngày</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	8. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong <i>thời hạn bảy (07) ngày</i> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Theo khoản 8 Điều 153 Luật DN 2014.
	9. Biểu quyết: d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một họp	9. Biểu quyết: d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một họp đồng được quy định	Khoản 4 Điều 37 đã được sửa đổi lại (Xem

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	đồng được quy định tại <u>Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 37</u> Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	<i>tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 37</i> Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Điều 37 ở dưới)
	14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và <u>phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</u>	<i>14. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.</i> Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị <i>được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có họ, tên và chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản</i> ”. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.	Theo khoản 1 và khoản 3 Điều 154 Luật DN 2014: Không cần phải có chữ ký của tất cả các thành viên dự họp. (chỉ cần chủ tọa và Thư ký ghi biên bản)
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành			
	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; Hội đồng quản trị ký hợp đồng với Tổng giám đốc trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.	<i>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc điều hành. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</i>	Theo khoản 1,2 Điều 157. Luật DN 2014.
	2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là tối đa là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại	<i>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc điều hành áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật</i>	Theo Điều 157 Luật DN 2014: Bổ quy định TGD không được làm

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	<p>hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này. <u>Tổng giám đốc không kiêm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành tại bất cứ cơ quan, đơn vị kinh tế nào khác, trừ trường hợp Hội đồng quản trị cử làm đại diện tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty nhưng không được làm Tổng giám đốc hoặc Giám đốc tại doanh nghiệp đó.</u></p>	<p><i>Doanh nghiệp</i></p>	<p>đồng thời làm TGD tại dn khác.</p>
	<p>3. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết</p>	<p><i>3. Tổng giám đốc điều hành có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</i></p> <p><i>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</i></p> <p><i>d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</i></p> <p><i>đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</i></p> <p><i>g. Tuyển dụng lao động;</i></p> <p><i>h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</i></p> <p><i>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế Quản lý Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.</i></p>	<p>Theo khoản 3 Điều 157 Luật DN 2014.</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	<p>định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>đ. Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật. Nếu điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.</p>		
		<u>Bổ sung một khoản:</u>	Theo khoản 4 Điều 157

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
		<p>4. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, các Quy chế quản lý của Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.</p>	Luật DN 2014.
Điều 33. Thư ký Công ty			
	<p>Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. Tham dự các cuộc họp. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. <p>Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p><i>Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <i>Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</i> <i>Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</i> <i>Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;</i> <i>Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</i> <i>Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</i> <p>Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	Theo khoản 5. Điều 152 Luật DN 2014: Trực tiếp Chủ tịch HĐQT quyết định về việc tuyển dụng Thư ký Công ty.

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
Điều 34. Thành viên Ban kiểm soát			
	<p>1.Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. <u>Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</u></p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. <u>Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.</u> Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p><i>Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên do Đại hội cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</i></p>	<p>Theo Khoản 2 điều 163; khoản 2 Điều 164 Luật DN 2014.</p>
	<p>2. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát</p> <p>a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có trình độ Đại học trở lên hoặc có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm trong các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty;</p> <p>c. Không phải là cán bộ quản lý của Công ty và người có liên quan của cán bộ quản lý của Công ty;</p> <p>d. Phải công khai các lợi ích liên quan theo điều 118 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><i>2. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:</i></p> <p><i>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.</i></p> <p><i>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</i></p> <p><i>c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</i></p> <p><i>d. Kiểm soát viên phải là Kiểm toán viên hoặc Kế toán viên”</i></p>	<p>Theo khoản 1,2 Điều 164 Luật DN 2014.</p>

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	e. Là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam.		
	5. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	5. bỏ	Đã được bổ sung vào khoản 1. Điều 34 ở trên.
	Cụm Từ: " <u>Thành viên Ban Kiểm soát</u> " trong Điều lệ	thay bằng: " <i>Kiểm soát viên</i> "	Theo Luật DN 2014.
Điều 35. Ban kiểm soát			
	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <u>Điều 123 Luật Doanh nghiệp</u> và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <i>Điều 165 Luật Doanh nghiệp</i> và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	
	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	<p>2. <i>Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát</i></p> <p>a. <i>Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</i></p> <p>b. <i>Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.</i></p> <p>c. <i>Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</i></p> <p>d. <i>Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</i></p> <p>đ. <i>Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều</i></p>	Theo Điều 166 Luật DN 2014: Để chi tiết, cụ thể hơn.

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
		<i>hành, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.</i>	
Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi			
	2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ <u>thông báo</u> cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ <i>kê khai</i> cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. <i>Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai được thực hiện theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.</i>	Theo Điều 159 Luật doanh nghiệp 2014.
	4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng có giá trị <u>từ dưới 20%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng	4. <i>Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</i> <i>a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</i> <i>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người có liên quan của họ;</i> <i>c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp</i> 5. <i>Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</i>	Theo Điều 162 Luật DN 2014.

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	<p>đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị <u>lớn hơn 20%</u> của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác.</p> <p>7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc điều hành có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p>	
Điều 48. Con dấu			
	<p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty. Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Theo Điều 44 Luật DN 2014.</p>
Điều 53. Ngày hiệu lực			

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
	<p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO nhất trí thông qua <u>ngày 15 tháng 4 năm 2013</u> thay thế bản Điều lệ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>ngày 22 tháng 4 năm 2010</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO nhất trí thông qua <u>ngày .. tháng ... năm ...</u> thay thế bản Điều lệ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên <i>năm 2013 ngày 15 tháng 4 năm 2013, được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 22 tháng 4 năm 2014</i> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	
Điều 54. Chữ ký			
	<p>Họ, tên, chữ ký của <u>người đại diện theo pháp luật của Công ty</u></p>	<p>Họ, tên, chữ ký của <i>thành viên Hội đồng quản trị Công ty</i></p>	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY